

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
Dự án: Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với
tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn Km137+580 - Km143+787**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11/07/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư nhóm B của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường trục Đông – Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn Km 137+580 – Km 143+787;

Căn cứ Quyết định số 4134/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Tuyến đường trục Đông – Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn Km 137+580 – Km 143+787;

Căn cứ Quyết định số 4874/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT dự án Tuyến đường trục Đông – Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn Km 137+580 – Km 143+787;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh tại Văn bản số 1032/TTr-BQLGT ngày 19/6/2020, đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 196/SXD-HTKTTĐ ngày 22/5/2020 và đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 754/SCT-QLNL ngày 15/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn Km137+580 - Km143+787, với các nội dung chính như sau:

1. Nhóm dự án: Nhóm B.

2. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông đô thị, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông tỉnh.

4. Địa điểm xây dựng: Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng

- Triển khai thực hiện quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của Khu Đô thị mới Long Vân. Kết nối đồng bộ các khu đô thị về tổ chức giao thông và hạ tầng kỹ thuật. Giải quyết chồng ngập ứng đoạn tuyến Quốc lộ 1 đoạn qua khu vực phường Trần Quang Diệu.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông nhằm tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực. Tăng cường năng lực cạnh tranh của thành phố Quy Nhơn, thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước; chỉnh trang đô thị.

6. Quy mô xây dựng

- Đoạn 1: Kết nối Quốc lộ 1A với ĐT.638 (đường Trần Quốc Hoàn hiện trạng nối dài, phường Trần Quang Diệu)

+ Điểm đầu tại điểm giao với đường Quốc lộ 1 (tại Km1230+170, bên trái tuyến), điểm cuối giáp với đường ĐT.638, với chiều dài đoạn tuyến $L=1,177\text{Km}$.

+ Đoạn từ đầu tuyến đến chùa Thanh Long thiết kế đi theo tuyến đường Trần Quốc Hoàn hiện trạng. Đoạn từ chùa Thanh Long đến đường ĐT.638 thiết kế mới hoàn toàn.

+ Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố nội bộ (TCXDVN 104-2007).

+ Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 120 \text{ MPa}$.

+ Bề rộng nền mặt đường: $B_{\text{nền}} = 6\text{m} + 12\text{m} + 6\text{m} = 24\text{m}$.

- Đoạn 2: Đường vành đai phía Đông khu đô thị mới Long Vân (đoạn từ ĐT.638 đến đường DS4 – phường Bùi Thị Xuân)

+ Điểm đầu tại điểm giao với đường ĐT.638 (tại Km137+806 bên phải tuyến) điểm cuối giáp với đường DS4 (đoạn tuyến qua núi Vũng Chùa theo Quy hoạch tỷ lệ 1/2000 đã phê duyệt) với chiều dài đoạn tuyến $L=3,124\text{Km}$.

+ Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV địa hình Đồng bằng và đồi (TCVN 4054-2005).

+ Quy mô mặt cắt ngang:

.Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 9,0\text{m}$.

.Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$.

.Bề rộng lề đất: $B_{\text{lđ}} = 2,0\text{m}$.

+ Tải trọng thiết kế cống nhỏ: H30; Cầu, cống bản hộp: HL93.

+ Bố trí hệ thống thoát nước theo địa hình hiện trạng.

7. Phương án xây dựng

a. Đoạn 1: Kết nối Quốc lộ 1A với ĐT.638 (đường Trần Quốc Hoàn hiện trạng nối dài, phường Trần Quang Diệu)

** Nền, mặt đường:*

- Đoạn từ đầu tuyến đến chùa Thanh Long (L=456,23m) tận dụng kết cấu nền, mặt đường Trần Quốc Hoàn hiện trạng, chỉ thăm tăng cường một lớp BTN C12,5 dày 4cm.

- Đoạn từ chùa Thanh Long đến cuối tuyến xây dựng mới với kết cấu như sau:

+ Nền đường: Được đắp đất cấp phối đòi đầm chặt đạt $K \geq 0,95$; lớp móng trên tiếp giáp đáy móng kết cấu áo đường dày 50cm được đầm chặt $K \geq 0,98$.

+ Mặt đường: Mặt đường làm mới gồm các lớp như sau:

- Lớp cấp phối đá dăm Dmax 37,5 dày 16cm;
- Lớp cấp phối đá dăm Dmax 25,0 dày 14cm;
- Lớp bê tông nhựa C19 dày 6cm;
- Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 4cm.

** Bó vỉa, vỉa hè, hố trồng cây:*

- Bó vỉa hè được làm bằng bê tông xi măng M250, đá 1x2.

- Vỉa hè thiết kế lát bằng gạch Terrazzo, lớp vữa xi măng M100 dày 3cm.

- Xây dựng hoàn thiện hố trồng cây và trồng cây sao đen.

- Nút giao thông: Các nút giao đường ngang được thiết kế dạng nút giao cùng mức. Thiết kế vuốt nối vào các đường ngang để đảm bảo an toàn, kết cấu mặt đường tại các nhánh rẽ trùng với kết cấu mặt đường tùy theo vị trí.

- Công trình phòng hộ, an toàn giao thông: Các thiết bị phòng hộ và an toàn giao thông được thiết kế QCVN 41/2016/QCVN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

** Công trình thoát nước dọc trên tuyến:* Đầu tư xây dựng tuyến cống hộp dọc theo tuyến nhằm đảm bảo thoát nước mặt tập trung về khu vực nút giao với Quốc lộ 1, cụ thể như sau:

- Đoạn thứ nhất (từ nút giao Quốc lộ 1 đến chùa Thanh Long, L=456,23m): Bổ sung thêm cống thoát nước ngang qua Quốc lộ 1, tận dụng hệ thống cống dọc 2D120cm, cống ngang hiện trạng và bổ sung 01 cống hộp kích thước 2mx2m bên trái tuyến.

- Đoạn thứ 2 (từ Km0+456,23 đến Km0+941,51, L=485,28m): Xây dựng mới cống hộp 2x(2mx2m) trên vỉa hè bên phải tuyến, kết hợp cống ngang thu nước mặt đường D60cm.

- Đoạn thứ 3 (từ Km0+941,51 đến ĐT.638): Chia làm 2 hướng

+ Hướng thứ nhất: Xây dựng mới cống dọc 2D180cm chảy về cống hiện trạng qua đường ĐT.638, chảy về kênh chính trị.

+ Hướng thứ hai: Chia lưu lượng thoát nước về phía Bắc tuyến đường (tại lý trình Km0+941,51) qua cửa xả cống hộp 2x2m (cửa xả chờ đầu nối sau này).

- Kết cấu cống hộp bằng BTCT M300 (28MPa), đá 1x2 đặt trên lớp đệm bằng BT M150 (12MPa) dày 20cm, đá 2x4. Từ lý trình Km0+683,52 đến cuối tuyến, móng cống hộp hố ga đầu nối sử dụng thêm lớp đệm đá 4x6 và gia cố nền đất tự nhiên bằng cọc tre D8cm, dài 3m, mật độ 25 cọc/m²

- Hố ga kết nối cống D60 và D100 được làm bằng BT M250, đá 1x2.

- Hố ga kết nối D150 - 2D180 và cống hộp được làm bằng BTCT M250, đá 1x2.

** Thoát nước thải*

- Tuyến cống thu gom nước thải xây dựng mới:

+ Xây dựng mới tuyến ống thu gom nước thải (bằng ống gân xoắn 2 vách có đường kính từ D200 đến D300), chiều dài L=1.331m được thu gom về hố ga cống bao HG5 (Cọc A20) trước trạm bơm PS10 để đưa về nhà máy xử lý 2A. Thiết kế mạng thu gom cấp 3 bằng nhựa PVC DN150 và các hố thu bằng nhựa nước trực tiếp từ các hộ dân hiện trạng và đổ về giếng thăm nơi gần nhất.

+ Giếng thăm được bố trí dọc theo tuyến thu gom mạng cấp 2, kết cấu bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước D_xR= (1,0x1,0)m và (0,6x0,6)m Nắp đan đổ bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2, viền xung quanh bằng thép hình.

+ Đối với khu dân cư hiện trạng bên phải tuyến đường đoạn từ Quốc lộ 1 đến Chùa Thanh Long giữ nguyên hiện trạng và không xây dựng tuyến cống thu gom độc lập cho đoạn này.

- Tuyến ống áp lực D93 của bãi rác Long Mỹ: Di dời đoạn ống áp lực nằm trong phạm vi nền đường với chiều dài 309m. Các đoạn còn lại giữ nguyên theo hiện trạng.

- Tuyến ống áp lực D225 thuộc trạm bơm PS10: Đoạn đầu tuyến ống từ trạm bơm PS10 nằm trong phạm vi lòng đường nên cần phải di dời lên vỉa hè để đảm bảo cho quá trình vận hành và bảo trì, với tổng chiều dài L=222m.

- Tuyến cống bao D315: Đoạn tuyến tại ngã 4 trước chùa Thanh Long nằm trong lòng đường và vị trí giếng thăm nằm trong tuyến cống thoát nước mưa xây dựng mới nên điều chỉnh tuyến đảm bảo phù hợp. Xây dựng mới 01 giếng thăm và bổ sung 10m ống HDPE D315. Đối với 04 giếng thăm còn lại thực hiện nâng cao độ đến cao độ mặt đường.

- Giếng tách QD26A: Nâng cao độ đỉnh giếng tách đảm bảo phù hợp với nền, mặt đường mới.

** Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC*

- Xây dựng mới đường ống cấp nước bằng ống gang DN250 với tổng chiều dài L=1.103m; ống HDPE D110 dài 720m; ống HDPE D63 với tổng chiều dài L=1.247m.

- Lắp 08 trụ cứu hỏa D100 loại 03 cửa lấy nước.

- Đầu nối vào mạng lưới cấp nước hiện tại của thành phố: Vị trí đầu nối số 1 và ống DN300 trên vỉa hè đường Quốc lộ 1 và đường Đông Tây; vị trí đầu nối số 2 vào ống DN100 tại Km5+450 của dự án; vị trí đầu nối số 3 vào ống

DN250 khu đô thị Long Vân; vị trí đầu nối số 4 vào ống DN80 cấp nước nhà máy xử lý nước thải 2A đầu nối tại ngã ba để trả lại nước cho các khu dân cư hiện trạng.

** Hệ thống điện chiếu sáng*

- Di dời các tuyến đường dây trung áp và đường dây hạ áp đi nổi ra khỏi phạm vi giải phóng mặt bằng để phục vụ dự án tuyến đường trục Đông – Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT 638), đoạn Km137+580 – Km 143+787.

+ Đường dây 22kV trước di dời có tổng chiều dài tuyến là 392,4m; Đường dây 22KV sau khi di dời có tổng chiều dài tuyến là 408,7m, sử dụng lại dây nhôm bọc cách điện XLPE 12,7/24kV-A95mm² và bổ sung mới dây nhôm bọc cách điện XLPE 12,7/24kV-As240mm² và các vật liệu điện chuyên dụng kèm theo.

+ Đường dây 0,4kV trước di dời có tổng chiều dài tuyến là 67,9m; Đường dây 0,4KV sau khi di dời có tổng chiều dài tuyến là 70m, sử dụng lại cáp nhôm bọc cách vện xoắn LV ABC(4x95)mm² – 0,6/1kV đồng thời bổ sung mới.

- Xây dựng mới đường dây 22kV, đường dây chiếu sáng và 01 trạm biến áp 3 pha 50kVA-22/0,4kV để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng trên Tuyến đường trục Đông – Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT 638), đoạn Km137+580 – Km 143+787 gồm:

+ Đường dây 22kV đi nổi có chiều dài tuyến 220,5m, sử dụng dây nhôm bọc cách điện XLPE 12,7/24kV-As240mm²; đi ngầm với chiều dài tuyến 7m dây dẫn cáp ngầm bằng đồng bọc loại CXV/XLPE/PVC/DSTA/PVC 12,7/22(24)Kv-3x50mm² và các vật liệu điện chuyên dụng kèm theo.

+ Đường dây chiếu sáng đi nổi có chiều dài tuyến là 122m dây dẫn dây nhôm bọc vện xoắn LV ABC(3x25)mm² – 0,6/1kV đi ngầm với tổng chiều dài tuyến 1448,5m, dây cáp ngầm CVV/DSTA (4x16)mm² - 0,6/1KV; Cấp nguồn cho tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng dây đồng bọc hạ thế CVV(4x25)mm². Cấp lên đèn bằng dây đồng bọc loại CVV(2x2,5)mm² – 0,6/1kV và các phụ kiện đi kèm. Đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn LED 200W – 220V.

+ Trạm biến áp chiếu sáng: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 3 pha công suất 50kVA-22/0,4kV, có kết cấu kiểu trạm búp sen, trụ đỡ máy biến áp bằng thép ống mạ kẽm nhúng nóng, đặt ngoài trời, không có tường rào bao che.

- Trụ bê tông ly tâm các loại: BTLT – 10m (PC.I-10,0-190-5,0) và BTLT-14m (PC.I-14-190-13).

- Trụ điện chiếu sáng loại trụ thép tròn côn cao 12m (bao gồm cần đèn cao 2m) mạ kẽm nhúng nóng.

- Móng trụ loại bê tông cốt thép đúc tại chỗ ký hiệu: MT-3G, MT-4, MT-4G; Móng cột đèn chiếu sáng ký hiệu: MCS và Móng trụ thép ống đặt máy biến áp loại BTCT đúc tại chỗ.

- Cách điện: sứ đứng và sứ treo loại 24kV.

- Tiếp địa trạm: Loại cọc tia NĐT-30C, các chi tiết mạ kẽm nhúng nóng.

- Tiếp địa trụ: Loại cọc tia NĐC-6C; Tiếp địa cột chiếu sáng: Loại cọc tia NĐC-1C, các chi tiết mạ kẽm nhúng nóng.
- Xà dùng thép hình gia công mạ kẽm nhúng nóng.
- Cấp lực tổng 600V: (3CV35+1CV25)mm².
- Bảo vệ quá điện áp khí quyển dùng chống sét van LA 18kV lắp ở đầu đường dây cáp ngầm.
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch phía hạ áp dùng Aptomat tổng 3 cực 600V-75A.
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch phía trung áp đầu đường dây 22KV dùng cầu chì rơi tự do FCO-24KV-100A và tại đầu đường dây cáp ngầm dùng cầu chì tự rơi có tải LBFCO-24KV-100A.
- Tủ điện hạ áp loại tủ điện tích hợp chuyên dùng lắp trong trụ thép ống đỡ máy biến áp kiểu trạm Búp Sen.
- Tủ điều khiển chiếu sáng tự động 2 chế độ.
- Tủ bù hạ thế 30kVAr-600V, điều khiển đóng cắt tự động theo hệ số công suất đảm bảo $\cos\varphi \geq 0,9$.

b. Đoạn 2: Đường vành đai phía Đông khu đô thị mới Long Vân (đoạn từ DT.638 đến đường DS4, phường Bùi Thị Xuân)

**** Nền, mặt đường***

- Bóc bỏ lớp đất yếu phong hóa lẫn hữu cơ, bùn đặc, đắp bù bằng đất cấp phối đồi đầm chặt $K \geq 0,95$.
- Kết cấu mặt đường được thiết kế trùng với dự án đang triển khai xây dựng đoạn từ Km0+940,50 - Km1+368,00 (nút N4) cụ thể như sau:
 - + Lớp BTXM đá 2x4, M300, dày 24cm;
 - + Lớp đáy khuôn đường đầm chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm;
 - + Nền đường đắp đất được đầm chặt $K \geq 0,95$.

**** Lề đường:***

- Lề đường rộng mỗi bên 1,0m.
- Đối với lề đường ở những đoạn gia cố mái taluy: Đổ BTXM gia cố lề, đá 2x4, M300, dày 15cm.
- Kết cấu lề những đoạn còn lại: Đắp bằng đất cấp phối đồi đầm chặt $K \geq 0,95$.

**** Nút giao thông:***

- Các nút giao với những đường ngang dân sinh và đường ngang theo Quy hoạch được thiết kế dạng nút giao cùng mức. Thiết kế vượt nổi chờ và mở rộng các nhánh rẽ vào các đường ngang để đảm bảo an toàn giao thông.
- Kết cấu mặt đường tại các nhánh rẽ trùng với kết cấu mặt đường. Riêng nút giao với đường đầu nối vào đường dân sinh cuối tuyến chỉ làm bằng đất CPĐ K95.

**** Các công trình phòng hộ, an toàn giao thông:*** Các thiết bị phòng hộ và an toàn giao thông được thiết kế QCVN 41/2016/QCVN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

* Công trình thoát nước trên tuyến

- Công hợp:

+ Thiết kế công hợp tại các vị trí:

TT	Lý trình	Kích thước cống	Chiều dài
1	Km0+924,68	BxH = 3x2	$B_{\text{cống}} = 9,0 \text{ m}$ (theo bề rộng mặt đường)
2	Km2+320,00	3x(BxH = 3x3)	
3	Km2+450,17	3x(BxH = 3x3)	
4	Km2+682,91	4x(BxH = 3x3)	

+ Cống bản hộp được làm bằng BTCT, tải trọng HL93.

+ Kết cấu cống: Thân cống bằng BTCT M300 (28MPa), đá 1x2.

+ Bản vượt bằng BTCT M200 (16MPa), đá 2x4.

+ Tường đầu, tường cánh cống bằng BT M250 (25Mpa), đá 2x4.

+ Sân cống, chân khay sân cống bằng BT M200 (16MPa), đá 2x4.

+ Lớp đệm đáy móng bằng BT M150 (12MPa), đá 4x6.

+ Gia cố đường hai bên cống bằng tấm lát BT M200 (16Mpa), đá 1x2, dày 6cm.

- Cống tròn D100: Cống được bố trí tại vị trí tuyến đường cắt qua mương thủy lợi và khe tụ thủy, cụ thể tại các lý trình: Km0+564,29; Km3+45, L=19,0m. Kết cấu bằng BTCT, với tải trọng H30. Tần suất tính toán thủy văn $P = 4\%$.

- Hệ thống thu nước dọc: Hệ thống thu nước dọc bên trái tuyến trên đoạn từ Km0+405,84 – Km0+564,29, cụ thể như sau:

+ Từ Km0+405,84 – Km0+520,33: Thiết kế rãnh thoát nước với bề rộng 0,8m. Kết cấu rãnh thoát nước: Đệm đá 4x6 đầm chặt đáy rãnh dọc dày 10cm; đáy rãnh, thân rãnh đổ BTCT đá 1x2, M200, dày 15cm; tấm đan rãnh dọc bằng BTCT đá 1x2, M250, dày 10cm.

+ Từ Km0+520,33 – Km0+564,29, thu nước dọc từ rãnh về cửa xả bằng hệ thống cống dọc D100mm bằng bê tông cốt thép tải trọng H10, L= 44m đặt trên lớp đệm đá 4x6 đầm chặt; hố thu, cửa xả bằng BT đá 2x4, M200.

- Cầu Lò Gạch 2

+ Khẩu độ $L = 33\text{m}$, gồm 1 nhịp tại lý trình Km0+611,74; chiều dài toàn cầu tính tới đuôi mố là 45,1m.

+ Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT dự ứng lực căng sau; tải trọng HL93.

+ Mặt cắt ngang cầu: $B_{\text{cầu}} = 7,0\text{m} + 2 \times 0,5\text{m} = 8,0\text{m}$.

+ Tần suất thiết kế: $P = 1\%$.

+ Chiều dài toàn cầu (tính đến đuôi mố): $L_{\text{cầu}} = 45,1\text{m}$.

+ Kết cấu phần trên:

.Cầu gồm 01 nhịp, dầm BTCT DƯL căng sau tiết diện chữ I, $L = 33\text{m}$.

.Mặt cắt ngang gồm 3 dầm.

.Chiều cao dầm chủ $h = 1,65\text{m}$, BT dầm chủ 40Mpa, đá 1x2.

.Bản mặt cầu dày 20cm bằng BTCT 28Mpa, đá 1x2.

.Dầm ngang bằng BTCT 28Mpa, đá 1x2.

.Gờ lan can bằng BTCT, lan can bằng thép mạ kẽm.

.Gối cầu và khe co giãn bằng cao su.

.Bản quá độ bằng BTCT 25Mpa, đá 1x2.

+ Kết cấu phần dưới:

.Mô dạng chữ U, móng móng bố trí 05 cọc khoan nhồi D100cm bằng BTCT 28Mpa, đá 1x2. Chiều dài cọc dự kiến: 6m (chiều dài thực tế được quyết định sau khi có kết quả khoan thực tế tại hiện trường).

.Thân móng, tường cánh bằng BTCT 25Mpa, đá 1x2.

.Đá kê gối, gờ chống trôi, ụ neo bằng BTCT 25Mpa, đá 1x2.

.Gia cố tứ nón, mái taluy đường hai đầu cầu bằng tấm lát BTCT 16MPa đá 1x2.

8. Tổng dự toán xây dựng: 107.025.717.000 (Một trăm lẻ bảy tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng). Trong đó:

Đơn vị tính: đồng.

Khoản mục chi phí	Hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống thoát nước, cây xanh, cấp nước, thoát nước thải	Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	Tổng cộng
Chi phí xây dựng	84.738.987.000	4.519.764.811	89.258.751.811
Chi phí thiết bị	0	142.395.000	142.395.000
Chi phí quản lý dự án	1.460.592.000	93.683.982	1.554.275.982
Chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng	6.165.299.902	259.501.636	6.424.801.538
Chi phí khác	1.988.952.756	102.383.871	2.091.336.627
Chi phí dự phòng	7.298.268.879	255.886.465	7.554.155.344
Tổng dự toán	101.652.101.000	5.373.616.000	107.025.717.000

9. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2016 – 2020, giai đoạn 2021 – 2025 (Nguồn cấp quyền sử dụng đất khu B1, B2 Khu đô thị mới Long Vân) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2019 – 2023.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Tổ chức thực hiện: Theo Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K19 (12b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng